

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/05/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+P4	7:25	9+13	0+0		5+16	0+0	
2		TD3	7:25	22	0		19	0	
3		TD5+P1	7:25	14+8	0+0		8+14	0+0	
4		BK4+P2	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
5		PPD	9:25	22	0		22	0	
6		RP3+TD5	9:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
7		BK16+P10+ClO	9:25	5+0+14	0+0+0		0+7+14	0+0+0	
8		PPD+TD1	9:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
9		P1	11:25	22	0		22	0	
10		P2+TD3	11:25	19+3	0+0		17+5	0+0	
11		TD5+BK5+BK6	11:25	7+10+5	0+0+0		6+4+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/Đi về trong ngày BK8- 5ng về qua TD3

2/ CBCNV đi biên đợt 1 -6h30 có mặt tại sân bay để khai mạc bầu cử sớm

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	TO: BK8 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

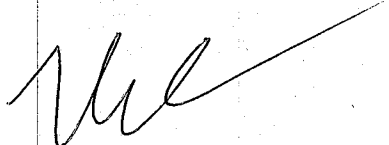
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THĂNG	BK8					75	D-HANH	Vietnamese
2	PODYMOV	BK8	50	1	6		145	KH-THAC	Russian
3	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	19	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TÂN	BK8	16	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG CAM	BK8	18	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THE TIEN	BK8	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIEN DUNG	BK8					68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN NGỌC QUYẾT	BK8	23	1	3		75	NIPI	Vietnamese
9	LÊ VĂN THỊNH	BK8	17	1	5		63	PSV	Vietnamese
10	LÊ TUAN ANH	BK8	21-22	2	15		74	CO DIEN	Vietnamese
11	SUDAKOV A.A	P4	75	1	8		112	KHI	Russian
12	ZAGYDAEV V.E	P4	74	1	4		79	KHI	Russian
13	NGUYỄN VĂN NAM	P4	77	1	3		61	KHI	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC DUY	P4	76	1	4		61	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	80	1	3	10	68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	79	1	3		74	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	84	1	5		67	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN HOÀN	P4	81	1	4		68	KHI	Vietnamese
19	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TUÂN	P4	82	1	5		84	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	78	1	6		74	KHI	Vietnamese
22	LÊ QUANG VINH	P4	83	1	8		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

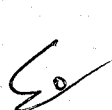
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	10	9	51	785	0	5		
2	P4	12	11	53	876	10	16		
TOTAL		22	20	104	1.661	10	21		
WEIGHT KG				104	1.661	10			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: NO 2	TO: TD3	CREW: TTrung - KHOÀN - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOE V.M.M	TD3	21	1	10	30	92	KHOAN	Russian
2	EMELIYANOV Y.E	TD3	27	1	7		104	KHOAN	Russian
3	FOK S.I	TD3	25	1	7		122	KHOAN	Russian
4	SHCHERBAKOV M.U	TD3	26	1	7		100	KHOAN	Russian
5	TRẦN VĂN THỌ	TD3	16	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	14	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	20	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	17	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	12	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
10	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	22	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
11	NG MINH HAI*PK-PVD	TD3	11	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3					91	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	24	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	23	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	08	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN HIẾU	TD3	09-10	2	8		73	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ MINH TRINH	TD3	15	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ VĂN TOÀN	TD3	07	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HOÀN	TD3	13	1	10		79	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG MẠO	TD3	06	1	20		80	BAKER HU	Vietnamese
21	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	TD3	04-05	2	19		65	BAKER HU	Vietnamese
22	PHẠM NGUYỄN THANH KHOA	TD3	02-03	2	22		70	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	178	1.713	30	20		
	TOTAL	22	24	178	1.713	30	20		
	WEIGHT KG			178	1.713	30			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: TD5 - P1	CREW: Hạnh - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

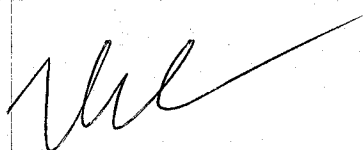
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUSH M.	TD5	33	1	6		103	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	90	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	88	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THE	TD5	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	87	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN DIỆP-PVD	TD5	23,31	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	89	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠO THANH SƠN	TD5	16	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	900,93	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH HUY BÌNH-PVD	TD5	24	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	95	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	32	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD5	18	1	10		60	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	43	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DUBOV A.V	P1	49	1	10		92	KH-THAC	Russian
16	KISELEEY IGOR	P1	51	1	10		100	KH-THAC	Russian
17	TRẦN KIM CƯỜNG	P1	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HAI	P1	47-48	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	P1	45	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ KIẾN TRUNG	P1	46	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

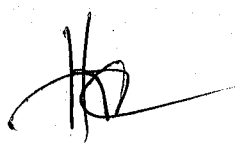
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	13	15	95	963	0	8		
2	P1	8	8	52	594	0	14		
TOTAL		21	23	147	1.557	0	22		
WEIGHT KG				147	1.557	0			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: BK4 - P2	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO QUANG HUNG	BK4	95	1	11	56	113	CODIEN	Vietnamese
2	VÔ DUY TOAN	P2	10	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG XUAN DIỆP	P2	22	1	6		46	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN ĐANG	P2	21	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HUNG	P2	06	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG NGUYỄN DUY NHAN	P2	17-18	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	11	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGHĨA TAI	P2	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HUNG	P2	16	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HUY QUYNH	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ VĂN NIN	P2	14	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH VŨ	P2	12	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN SON	P2	13	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH KIM	P2	20	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NAM	P2	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ SỸ VANG	P2	05	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN MINH XANH	P2	09	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
22	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	07	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	1	1	11	113	56	0		
2	P2	21	19	113	1.389	0	22		
	TOTAL	22	20	124	1.502	56	22		
	WEIGHT KG			124	1.502	56			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT:	TO: PPD	CREW: VThắng - Mạnh - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	06	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV G.P	PPD	94	1	10		110	KHI	<i>OKS</i>
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	95	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	93	1	5		80	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	99,01	2	7		65	KHI	Vietnamese
6	NGO SỸ THANH	PPD	12	1	10		85	KHI	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	92	1	5		92	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	13-15	3	17		70	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	97-98	2	10		70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD					55	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	02	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	TRẦN HUỖNH ANH PHONG	PPD	04	1	5		71	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD					70	KHI	Vietnamese
14	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	09	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD	96	1	4		75	D-HANH	Vietnamese
16	PHAN CÔNG THANH	PPD	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	91	1	5		65	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LÂN	PPD	07	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	05	1	5		62	KHI	Vietnamese
20	LÊ THANH TRUNG	PPD	03	1	3		67	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TU	PPD	08	1	5		71	KHI	Vietnamese
22	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	10-11	2	10		100	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	25	131	1.612	0	22		
	TOTAL	22	25	131	1.612	0	22		
	WEIGHT KG			131	1.612	0			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT:	TO: RP3 - TD5	CREW: TTrung - XHOÀN - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	REVIKIN V.N	RP3	72	1	10		100	KHI	Russian
2	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	66-67	2	9		60	KHI	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	76	1	9		80	KHI	Vietnamese
4	HA VAN THUY	RP3	68	1	5	22	72	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	RP3	69	1	4	20	65	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	71	1	4		62	KHI	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HAI	RP3	75	1	7		65	KHI	Vietnamese
8	ĐOÀN MINH TUẤN	RP3	77	1	12	96	62	CODIEN	Vietnamese
9	LUU QUANG DAT	RP3	84	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
10	CAO XUÂN DUNG.	RP3	78	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
11	NGÔ KIM NGHIỆP	RP3	62-63	2	20	35	80	CODIEN	Vietnamese
12	VÕ ĐÓN LONG	RP3	70	1	8		70	KHI	Vietnamese
13	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	64-65	2	12		59	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	74,85	2	10		65	KHI	Vietnamese
15	LẠI VĂN MINH	RP3	73	1	3		60	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN GIANG	TD5	98	1	5		72	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HỒ	TD5	99	1	13		72	DVL	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD5	14	1	13		82	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD5	84	1	5		65	DVL	Vietnamese
20	MAI VĂN DƯƠNG	TD5	97	1	13		82	DVL	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	96	1	2		74	PSV	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	85	1	8		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	19	128	1.038	173	12		
2	TD5	7	7	59	532	0	10		
TOTAL		22	26	187	1.570	173	22		
WEIGHT KG				187	1.570	173			

GRAND TOAL: 1.930 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	TO: BK16 - P10 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - MQUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	BK16	87	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LINH	BK16	88	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THAI SƠN	BK16	89	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIẾP	BK16	90-91	2	15	90	75	KH-THAC	Vietnamese
5	VOROSHILOV	BK16	86	1	9		92	KH-THAC	Russian
6	TÔ ANH TUÂN *TT	CLO	97	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TẤT LỰC	CLO	89-91	3	12		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN THANH TÂM	CLO	95	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	96	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM MINH HOANG	CLO	93	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN BÌNH	CLO	92	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	49	1	3	15	60	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MINH HIỆP	CLO	88	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	86-87	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM BA CUÔNG-PVDT	CLO	93	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HỮU HẬU	CLO	68	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
18	YANCHENKO	CLO	400	1	10		82	ANTOAN	Russian
19	LÊ VĂN PHÚ	CLO	85	1	6		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

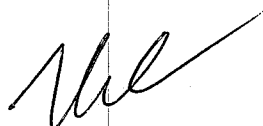
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	6	57	392	90	0		
2	P10	0	0	0	0	40	7		
3	CLO	14	17	99	1.031	15	14		
TOTAL		19	23	156	1.423	145	21		
WEIGHT KG				156	1.423	145			

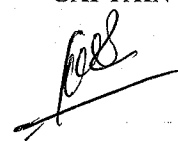
GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: PPD - TD1	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	57	1	3		73	KHI	Vietnamese
2	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	58	1	4		87	KHI	Vietnamese
3	KHÔNG TIẾN DŨNG	PPD	59	1	5		78	KHI	Vietnamese
4	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	60	1	5		69	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	63	1	7		76	KHI	Vietnamese
6	HOANG MINH SON	PPD	56	1	11		75	ANTOAN	Vietnamese
7	NHÂM ĐIỆN BIÊN	PPD	65	1	5		64	NIPI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LINH	PPD	64	1	5		79	NIPI	Vietnamese
9	HOANG VĂN DOANH	PPD	62	1	6		64	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	61	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ QUANG LỰC*TT	TD1	49	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
12	LẠI ĐỨC LAM	TD1	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	38	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	48	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	45	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THAI	TD1	40-41	2	9	70	79	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN DUY TÂN-PVDT	TD1	46	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	37	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
19	CÚ THANH NHAN-PVDT	TD1	43	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	47	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VIỆT THANH	TD1	44	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN MÃO-PVD	TD1	39	1	6		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	10	56	730	0	9		
2	TD1	12	13	66	833	70	13		
TOTAL		22	23	122	1.563	70	22		
WEIGHT KG				122	1.563	70			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT:	TO: P1	CREW: VThắng - VLinH - HIẾU	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THẾ VINH	P1	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	31	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU DUNG	P1	27	1	7	3	85	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN DU	P1	33	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HOANG NHAN	P1	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	41	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THUY	P1	43	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ANH SƠN	P1	24	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THÀNH TÀI	P1	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM SỸ HIỆP	P1					63	KH-THAC	Vietnamese
12	VU NAM CUONG	P1	42	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUANG ANH	P1	28	1	7	3	67	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ HỒNG HAI	P1	44	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	P1	39	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	38	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN LINH	P1	29	1	7	10	59	YTE	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	32	1	6		70	PSV	Vietnamese
19	LÊ HỒNG MINH	P1	35	1	6		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KHANH CHÂN	P1					68	PSV	Vietnamese
21	PHAN SỸ HOÀN	P1	37	1	7		65	PSV	Vietnamese
22	NG THỊ KIM TUYẾN	P1	25-26	2	16		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	21	137	1.465	16	22		
	TOTAL	22	21	137	1.465	16	22		
	WEIGHT KG			137	1.465	16			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: P2 - TD3	CREW: TTrung - MTHAO - DTùng	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	67	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	47	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHI HUƠNG	P2	41	1	7	105	63	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN THAI	P2	46	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HIỀN	P2	54	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ NGỌC CÀNH	P2	52-53	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN THƯA THAI	P2	51	1	7		63	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM THAI SƠN	P2	49	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
9	LƯU VĂN DÂN	P2	39-40	2	16		60	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ VĂN DŨNG.	P2	57	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ ANH TUÂN	P2	55	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ THANH HIỆU	P2	56	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
13	KIM NHẬT THANH	P2	42-43	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
14	BUI MINH TRI	P2	64-65	2	12		80	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH DŨNG	P2	50	1	3		47	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	44	1	4		52	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC LONG	P2	45	1	6		56	PSV	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC CƯỜNG	P2	48	1	3		66	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN MINH	TD3	29	1	10		58	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD3	01	1	7		72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	22	144	1.167	105	17		
2	TD3	2	2	17	130	0	5		
TOTAL		20	24	161	1.297	105	22		
WEIGHT KG				161	1.297	105			

GRAND TOAL: 1.563 KGS

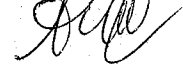
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	TO: TD5 - BK5 - BK6	CREW: Hạnh - N.Anh - THỤ	ETA: 13:20
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐĂNG NGỌC	TD5	83	1	5		76	PSV	Vietnamese
2	TRẦN MINH HUNG	TD5	79	1	5		88	PSV	Vietnamese
3	TRINH QUỐC HUNG	TD5	82	1	6		71	PSV	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN THỊNH	TD5	78	1	3		47	PSV	Vietnamese
5	PHẠM QUANG HUY	TD5	81	1	5	10	63	PSV	Vietnamese
6	LUƠNG ANH HAI	TD5	80	1	4		56	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG DŨNG	BK5	92	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN CUƠNG	BK5	99	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	91	1	12	15	59	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THE DUONG	BK5	97	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG THẾ VINH	BK5	100	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO ĐỨC THAI	BK5	48,51	2	15		89	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ BA HOÀ	BK5	98	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HỒNG CUƠNG	BK5	95-96	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NGHIÊM	BK5	93-94	2	15		58	PSV	Vietnamese
16	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	89	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HAI	BK6	87	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC THIỆP	BK6	86	1	5	30	67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ANH QUANG	BK6	88	1	12	11	80	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC THAI SƠN	BK6	90	1	10	38	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	28	401	10	5		
2	BK5	9	12	105	641	15	4		
3	BK6	5	5	41	379	79	6		
TOTAL		20	23	174	1.421	104	15		
WEIGHT KG				174	1.421	104			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN